

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SLĐTBXH-TE&BDG

Quảng Trị, ngày tháng 02 năm 2022

V/v hướng dẫn quy trình, quy định đánh giá xã
phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế
hoạch số 4626/KH-UBND ngày 09/10/2020
của UBND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Kế hoạch số 4626/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh; theo Kế hoạch, thời gian đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm 2022 và tháng 11 năm 2024 (của Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm tại địa phương, 2021-2025).

Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự phối hợp của các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể địa phương đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, đồng thời, để việc triển khai, đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh đúng quy trình, quy định và đạt kết quả cao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn như sau:

1. Triển khai các hoạt động

- Chỉ đạo UBND cấp xã, phường, thị trấn tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, rà soát các chỉ tiêu trong bộ chỉ tiêu đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế hoạch số 4626/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh để tiến hành đánh giá tại địa phương.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị chức năng tại địa phương triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em, bảo đảm an toàn cho trẻ em cùng với việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, trong đó, đặc biệt quan tâm các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng phù hợp; không để tình trạng trẻ em bị xâm hại, người chưa thành niên vi phạm pháp luật, tử vong do tai nạn thương tích, đuối nước, ...

- Tập huấn cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp huyện, cấp xã về tiêu chí đánh giá; trình tự đánh giá; trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại địa phương; đặc biệt quan tâm đến việc triển khai toàn diện 13 tiêu chí trong Quyết định số 06/QĐ-TTg. Kiện toàn hội đồng xét duyệt cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, tổ chức kiểm tra, giám sát quy trình công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em đánh giá định kỳ 06 tháng, hàng năm tại địa phương.

2. Tiêu chí đánh giá: (Phụ lục 01 kèm theo)

3. Điều kiện công nhận

Căn cứ quy định của Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định số điểm để công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (*phải đạt đủ 13 tiêu chí theo quy định, không có tiêu chí nào bị 0 điểm*) và đạt tổng số điểm theo quy định sau:

+ Xã, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo; xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Đạt từ 800 điểm trở lên.

+ Xã, phường, thị trấn còn lại: Đạt từ 850 điểm trở lên.

4. Thời gian, trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm 2022 và tháng 11 năm 2024. (*Số liệu thống kê các Tiêu chí 1,2,4,6,7,8,9,10,11,12,13 được thu thập trong năm 2022 và năm 2024; Số liệu thống kê Tiêu chí 3,5 được thu thập trong kỳ đánh giá*).

- Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc công chức Lao động - Thương binh và Xã hội) trình Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - Xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc công chức Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Trưởng công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Hiệu trưởng trường mầm non, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, phường, thị trấn, đại diện thôn và tương đương.

- Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi UBND cấp huyện, thành phố, thị xã trước ngày 15 tháng 11 năm 2022.

5. Thời gian, trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, thị xã, thành phố là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ.

- Hội đồng xét duyệt: các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của cấp xã, phường, thị trấn và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, phường, thị trấn đạt điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, trình Chủ tịch UBND cấp huyện, thị xã, thành phố xem xét và ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 25 tháng 11 năm 2022.

- Trước ngày 30 tháng 11 năm 2022, UBND cấp huyện tổng hợp tình hình và báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGD Sở (b/c);
- Phòng LĐ-TB&XH các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, TE&BDG.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Thắng

PHỤ LỤC

Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế hoạch số 4626/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị

Tên gọi của tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	<ol style="list-style-type: none">1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, bản, tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là thôn và tương đương): 15 điểm3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm: 15 điểm4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định: <ol style="list-style-type: none">1. Từ 98% trở lên: 50 điểm2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm4. Dưới 80%: 20 điểm	50
Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại	Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em): <ol style="list-style-type: none">1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá:<ol style="list-style-type: none">a, Dưới 1/1.000: 125 điểmb, Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểmc, Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểmd, Từ 5 đến dưới 7/1.000: 50 điểmđ, Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm	125

<p>Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dưới 1/1.000: 50 điểm 2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm 3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm 4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm 5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm 	50
<p>Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích: <ol style="list-style-type: none"> a, Dưới 0,25/1.000: 100 điểm b, Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm c, Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm 	100
<p>Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp: <ol style="list-style-type: none"> a, Từ 95% trở lên: 50 điểm b, Từ 90% đến dưới 95%: 40 điểm c, Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm d, Từ 70% đến dưới 80%: 20 điểm đ, Dưới 70%: 10 điểm 2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ trợ kịp thời: <ol style="list-style-type: none"> a, 100%: 75 điểm 	125

	<p>b, Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm</p> <p>c, Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm</p> <p>d, Dưới 50%: 0 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 7:</p> <p>Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo chương trình tiêm chủng mở rộng</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 10 điểm 	50
<p>Tiêu chí 8:</p> <p>Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo độ tuổi): <ol style="list-style-type: none"> a, Dưới 10%: 45 điểm b, Từ 10% đến dưới 14%: 35 điểm c, Từ 14% trở lên: 25 điểm 2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): <ol style="list-style-type: none"> a, Dưới 20%: 30 điểm b, Từ 20% đến dưới 24%: 20 điểm c, Từ 24% trở lên: 10 điểm 	75
<p>Tiêu chí 9:</p> <p>Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm 	50
<p>Tiêu chí 10:</p> <p>Trẻ em đến trường, lớp mầm non</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 90% trở lên: 75 điểm 2. Từ 80% đến dưới 90%: 65 điểm 3. Từ 70% đến dưới 80%: 55 điểm 4. Dưới 70%: 40 điểm 	75

<p>Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em</p>	<p>Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 20% trở lên: 75 điểm 2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm 3. Từ 10% đến dưới 15%: 50 điểm 4. Dưới 10%: 40 điểm 	<p>75</p>
<p>Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính theo tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao dành cho trẻ em: <ol style="list-style-type: none"> a, Từ 70% trở lên: 45 điểm b, Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm c, Dưới 50%: 20 điểm 2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm 	<p>75</p>
<p>Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em</p>	<p>Thang điểm: Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm 	<p>50</p>